

PHỤ LỤC 1

(Những khó khăn, vướng mắc do quy định của Bộ luật Hình sự không phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp về kỹ thuật lập pháp và kiến nghị, đề xuất)

Tên Chương, Điều luật/ Hành vi	Bất cập, vướng mắc	Kiến nghị, đề xuất
Điều 2. Cơ sở của trách nhiệm hình sự	Chưa phù hợp với thực tiễn vì thực tế có trường hợp người hoặc pháp nhân thương mại phạm một tội, có trường hợp phạm nhiều tội, một hay nhiều tội đều phải bị xử lý trách nhiệm hình sự	Sửa đổi, bổ sung theo hướng: <i>1. Chỉ người nào phạm tội đã được BLHS quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự.</i> <i>2. Chỉ pháp nhân thương mại nào phạm tội đã được quy định tại Điều 76 của Bộ luật này mới phải chịu trách nhiệm hình sự.</i>
Điều 3. Nguyên tắc xử lý	Điểm c và điểm d khoản 1 Điều này đều trình bày về nguyên tắc nghiêm trị. Việc trình bày nguyên tắc nghiêm trị thành 2 điểm riêng và kết hợp với nguyên tắc khoan hồng là không phù hợp, không logic.	Sửa đổi, điểm c và điểm d khoản 1 theo hướng tách biệt, một điểm quy định về nguyên tắc nghiêm trị, một điểm quy định về nguyên tắc khoan hồng.
Điều 8. Khái niệm tội phạm	Điều này quy định: “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền...”. Theo đó, khái niệm này đang quy định về vai trò chủ thể và xác định lỗi của chủ thể là cá nhân và pháp nhân thương mại là tương đương nhau. Tuy nhiên, quy định như trên là chưa phù hợp, vì: theo quy định của Điều 76 thì pháp nhân thương mại chỉ là chủ thể của 33 tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự, trong khi đó cá nhân là chủ thể của tất cả các tội quy định trong Bộ luật Hình sự. Bên cạnh đó, khái niệm xác định lỗi của tội phạm là lỗi cố ý và lỗi vô ý, tuy nhiên, quy định về lỗi như trên chỉ phù hợp với chủ thể là cá nhân, đối với chủ thể là pháp nhân thương mại thì việc xác định lỗi như trên là không phù hợp.	Nghiên cứu để sửa đổi khái niệm về tội phạm, trong đó bảo đảm khái niệm này phù hợp và bao trùm cả chủ thể là pháp nhân thương mại phạm tội
Điều 9. Phân loại tội phạm	Việc phân loại tội phạm như quy định tại Điều 9 chỉ đúng đối với cá nhân phạm tội, trong khi chủ thể của tội phạm bao gồm cả pháp nhân thương mại	Bổ sung quy định về phân loại tội phạm đối với pháp nhân thương mại phạm tội như

và hình phạt đối với cá nhân khác với các hình phạt áp dụng đối với pháp nhân. Do đó, nếu căn cứ vào mức phạt tù, hình phạt tù chung thân hoặc tử hình để phân loại chung cho cả cá nhân và pháp nhân là không phù hợp.

sau: *Tội phạm do pháp nhân thương mại thực hiện được phân loại căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội theo quy định của Bộ luật này, tội phạm được phân thành 04 loại sau đây:*

a) Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội phạm ấy là phạt tiền đến 1 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn đến 06 tháng;

b) Tội phạm nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội phạm ấy là phạt tiền từ trên 1 tỷ đến 3 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động trên 06 tháng đến 01 năm;

c) Tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội rất lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội phạm ấy là phạt tiền trên 3 tỷ đến 5 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động trên 01 đến 03 năm;

d) Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội đặc biệt lớn mà mức cao nhất của khung hình phạt do Bộ luật này quy định đối với tội phạm ấy là phạt tiền đặc biệt nghiêm trọng khi mức phạt tiền trên 5 tỷ

		<i>đồng hoặc đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.”</i>
Điều 12. Tuổi chịu trách nhiệm hình sự	Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của người đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi hiện nay đang tương đối hẹp, chưa phù hợp với thực tiễn, chưa đảm bảo tính công bằng trong chính sách hình sự vì: thời gian qua, tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật do những người ở trong độ tuổi này thực hiện có nhiều diễn biến phức tạp, gây nhiều hậu quả xấu đối với tình hình an ninh, trật tự. Bên cạnh đó, hiện nay, đặc điểm phát triển cả về thể chất và tinh thần của người trên 14 tuổi có nhiều tiến bộ hơn so với giai đoạn trước đây do điều kiện kinh tế, xã hội phát triển, trẻ em được hưởng các chế độ dinh dưỡng tốt hơn, được hưởng môi trường giáo dục tốt hơn, được tiếp xúc nhiều với các phương tiện truyền thông đại chúng và hệ thống thông tin hơn, do đó ý thức pháp luật và khả năng nhận thức về hành vi của mình là đầy đủ hơn.	Sửa đổi, bổ sung Điều 12 theo hướng quy định người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể chịu trách nhiệm hình sự về mọi loại tội phạm rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ bó gọn trong phạm vi 28 tội danh)
Điều 14. Chuẩn bị phạm tội	- Việc quy định phạm vi chịu trách nhiệm hình sự đối với 25 tội danh được quy định tại khoản 2 Điều 14 là chưa phù hợp, không đảm bảo công bằng trong chính sách hình sự. Nhiều tội phạm có tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội cao nhưng nếu thực hiện ở giai đoạn chuẩn bị sẽ không phải chịu trách nhiệm hình sự... - Việc bổ sung quy định hành vi thành lập, tham gia nhóm tội phạm vào khái niệm chuẩn bị phạm tội mặc dù đáp ứng yêu cầu nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, nhưng khiên cưỡng không thể hiện tính phổ biến của hành vi chuẩn bị phạm tội. Bên cạnh đó, hiện nay chưa có văn bản pháp lý nào giải thích về “nhóm tội phạm” để phân biệt với trường hợp “phạm tội có tổ chức”.	- Nghiên cứu, mở rộng phạm vi quy định về các tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự trong giai đoạn chuẩn bị phạm tội để nâng cao tính phòng ngừa. - Bổ sung quy định về nhóm tội phạm để phân biệt với phạm tội có tổ chức.
Điều 17. Đồng phạm	Hiện nay, việc quy định đồng phạm là trường hợp có 02 người trở lên cùng cố ý thực hiện một tội phạm là chưa phù hợp với tình hình thực tiễn, chưa bao quát hết các trường hợp đồng phạm khác như giữa cá nhân với pháp nhân thương mại hoặc giữa các pháp nhân thương mại với nhau.	Bổ sung quy định về đồng phạm giữa các loại chủ thể của tội phạm trong Bộ luật Hình sự
Điều 18. Che giấu tội phạm, Điều 19. Không tố giác tội phạm	Tại khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 BLHS chưa có sự thống nhất về kỹ thuật trình bày đối với nội dung: Khoản 2 Điều 18 dùng cụm từ “các tội xâm phạm an ninh quốc gia”, nhưng khoản 2 Điều 19 lại dùng cụm từ “các tội quy định tại Chương XIII của Bộ luật này”, trong khi đó cả hai cụm từ này đều muốn đề cập đến các tội danh, điều luật quy định về các tội xâm phạm an ninh quốc gia tại Chương XIII của BLHS.	Thống nhất cách sử dụng thuật ngữ tại khoản 2 Điều 18 và khoản 2 Điều 19 BLHS.

Điều 19. Không tố giác tội phạm	Theo quy định của khoản 3 Điều này thì người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu không tố giác tội phạm do thân chủ của mình đang chuẩn bị thực hiện, đang thực hiện hoặc đã thực hiện đối với các tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và rất nghiêm trọng (trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia). Quy định như trên là không phù hợp vì: thời điểm người bào chữa tham gia tố tụng để bào chữa cho thân chủ thì hành vi phạm tội đã diễn ra trước đó, người bào chữa thực hiện nhiệm vụ của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của thân chủ liên quan đến hành vi thân chủ của họ đã thực hiện trước đó nên không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu họ không tố giác tội phạm liên quan đến hành vi này là hợp lý. Tuy nhiên, đối với những hành vi phạm tội mà thân chủ của người bào chữa chuẩn bị thực hiện hoặc đang thực hiện (phạm một tội mới hoặc tiếp diễn hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó) không thuộc phạm vi nhiệm vụ của người bào chữa nên nếu người bào chữa không tố giác đối với các hành vi này sẽ vi phạm nguyên tắc của pháp luật hình sự “mọi hành vi phạm tội do người thực hiện phải được phát hiện kịp thời”, do vậy, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ về hành vi không tố giác các tội phạm đang được chuẩn bị thực hiện hoặc đang thực hiện là không hợp lý.	Sửa đổi, bổ sung Điều này theo hướng, người bào chữa không phải chịu trách nhiệm hình sự nếu không tố giác tội phạm do thân chủ đã thực hiện trong vụ án hình sự mà họ tham gia với tư cách người bào chữa.
Điều 29. Căn cứ miễn trách nhiệm hình sự	- Tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 29 quy định: "<i>1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong những căn cứ sau đây:</i> a) <i>Khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;...</i> <i>2. Người phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có một trong các căn cứ sau đây:</i> a) <i>Khi tiến hành điều tra, truy tố, xét xử do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa;</i>" Như vậy việc miễn trách nhiệm hình sự trong các trường hợp này chỉ được thực hiện trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Nếu vụ việc đang trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm mà có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không có nguy hiểm cho xã hội hoặc do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội thì các cơ quan tiến hành tố tụng vẫn phải khởi tố vụ án sau đó đình chỉ điều tra theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 230 BLTTHS. Quy định này dẫn đến rườm rà về thủ tục tố tụng khi áp dụng trong thực tiễn.	Sửa đổi, bổ sung trong giai đoạn khởi tố nếu có căn cứ miễn trách nhiệm hình sự thì có thể không khởi tố vụ án hình sự. Hiện nay, Viện Kiểm sát nhất dân tối cao đã có văn bản số 5442/VKSTC-V14 ngày 30/11/2020 hướng dẫn về vấn đề này, tuy nhiên, văn bản này chưa phải là văn bản quy phạm pháp luật nên việc áp dụng còn nhiều quan điểm khác nhau, do vậy, cần thiết phải được quy định trong Bộ luật Hình sự.

	Ví dụ: A chạy xe máy lấn sang làn đường bên trái, va chạm vào xe máy do B điều khiển đi theo chiều ngược lại làm B tử vong. Hành vi của A đủ yếu tố cấu thành Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 BLHS. Do A đã kịp thời bồi thường cho gia đình B số tiền 150 triệu đồng, được người đại diện hợp pháp của B tự nguyện hòa giải và có đơn đề nghị miễn trách nhiệm hình sự nên A có đủ điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, khi áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS đối với A đã nảy sinh những quan điểm khác nhau, cụ thể như sau: (1) <i>Quan điểm thứ nhất:</i> Ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, kết luận điều tra, áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với A; (2) <i>Quan điểm thứ hai:</i> Đối với trường hợp của A không cần thiết phải khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can rồi mới ra quyết định đình chỉ để miễn trách nhiệm hình sự, mà chỉ giải quyết theo thủ tục tin báo, tố giác về tội phạm. Áp dụng khoản 3 Điều 29 BLHS, Cơ quan điều tra có văn bản trao đổi với Viện kiểm sát thống nhất ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. - Khoản 3 quy định “người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng do cố ý”, quy định như trên dễ dẫn đến cách hiểu là lỗi cố ý chỉ gắn với hành vi phạm tội nghiêm trọng.	- Sửa đổi khoản 3 Điều 29 như sau: “người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý hoặc nghiêm trọng do cố ý”.
Điều 32. Các hình phạt đối với người phạm tội	- Theo quy định của Điều 32 thì trục xuất vừa là hình phạt chính, vừa là hình phạt bổ sung, tuy nhiên, hiện nay, tại tất cả các điều luật của BLHS đều chưa quy định đối với bất kỳ tội danh cụ thể nào. - Điều 32 và Điều 34 quy định về hình phạt cảnh cáo, <i>Điều luật quy định về hình phạt chính có thể bị áp dụng là “Cảnh cáo”, tuy nhiên thực tiễn cho thấy hình phạt “Cảnh cáo” không phù hợp với tội phạm về hình sự mà phù hợp với xử phạt hành chính. Mặt khác, tính trừng trị, răn đe của hình phạt này là rất thấp, không có tác dụng phòng ngừa tội phạm nên điều luật này cũng không được áp dụng nhiều trong thực tiễn.</i>	- Bổ sung hình phạt trục xuất khi người nước ngoài phạm tội tại Việt Nam để có căn cứ khi áp dụng hình phạt này trong các tội danh cụ thể. - Nghiên cứu, thay thế hình phạt Cảnh cáo bằng hình phạt khác có tính răn đe, phòng ngừa hơn, như: hình phạt "Lao động cộng đồng" hoặc hình phạt công ích cộng đồng (đối với các pháp nhân thương mại) có thể vừa giám sát bị án một cách chặt chẽ, vừa tạo điều kiện cho họ lao động, giúp ích cho cộng đồng, xã hội.
Điều 35. Phạt tiền	Điều này quy định hình phạt tiền có thể là hình phạt chính hoặc hình phạt bổ sung, tuy nhiên chưa quy định để có sự phân hóa rõ ràng giữa hình phạt	Cần phải bổ sung quy định để phân hóa rõ giữa mức hình phạt tiền là hình phạt

	tiền với vai trò là hình phạt chính và hình phạt tiền với vai trò là hình phạt bổ sung dẫn đến trong nhiều trường hợp, hình phạt chính được áp dụng nhẹ hơn hình phạt bổ sung, trong khi đó, về nguyên tắc, hình phạt chính phải có mức độ nghiêm khắc hơn hình phạt bổ sung. Ví dụ: đối với tội đánh bạc (Điều 321) thì hình phạt chính là hình phạt tiền là từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, trong khi đó, hình phạt bổ sung là hình phạt tiền là từ 10 đồng triệu đến 50 triệu đồng, như vậy, trong nhiều trường hợp, mức hình phạt bổ sung có thể cao hơn mức hình phạt chính là bất hợp lý. - Điều 35 BLHS năm 2015 quy định về hình phạt tiền, trong đó, khoản 3 quy định mức phạt tiền căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm, xét đến tình hình tài sản người phạm tội, sự biến động về giá cả nhưng không được thấp hơn 01 triệu đồng. Tuy nhiên, qua nghiên cứu các tội danh của BLHS có quy định hình phạt tiền là hình phạt chính và hình phạt bổ sung thì mức thấp nhất của hình phạt tiền là hình phạt chính và hình phạt bổ sung là 5 triệu đồng. Như vậy, mức khởi điểm quy định tại Điều 35 BLHS là thấp so với thực tế phát triển kinh tế - xã hội hiện nay và thấp hơn 05 lần so với mức phạt tiền tối thiểu được quy định tại Phần các tội phạm của Bộ luật.	chính và mức hình phạt tiền là hình phạt bổ sung theo hướng: quy định mức tối thiểu của hình phạt tiền với là hình phạt chính phải cao hơn mức tối đa của hình phạt tiền là hình phạt bổ sung. - Sửa đổi khoản 3 Điều 35 theo hướng quy định mức thấp nhất của hình phạt tiền là 5 triệu đồng.
Điều 40. Tử hình	- Điều này quy định: “Tử hình là hình phạt đặc biệt chỉ áp dụng đối với người phạm tội đặc biệt nghiêm trọng thuộc một trong nhóm các tội...tham nhũng và một số tội phạm đặc biệt nghiêm trọng khác...”. Tuy nhiên, hiện nay, Bộ luật Hình sự đã bỏ hình phạt tử hình đối với tội tham ô tài sản và tội nhận hối lộ, do vậy, hình phạt tử hình sẽ không còn áp dụng đối với tội phạm tham nhũng. - Quy định về hình phạt tử hình trong Bộ luật Hình sự vẫn còn một số bất cập cần được xem xét, điều chỉnh để bảo đảm tính hợp lý, phù hợp với xu hướng chung của pháp luật quốc tế và tình hình thực tiễn (mặc dù Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025 đã bỏ hình phạt tử hình trong 08 tội danh). Các quy định về định lượng để áp dụng hình phạt tử hình ở một số tội danh còn chưa hợp lý, dẫn đến phạm vi áp dụng hình phạt này vẫn rộng, chưa có sự phân hóa rõ ràng theo mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.	- Bỏ cụ từ “tham nhũng” tại Điều 40 của Bộ luật Hình sự. - Nghiên cứu để điều chỉnh khung hình phạt có hình phạt tử hình hẹp hơn, nâng cao và xác định mức định lượng cụ thể để dễ áp dụng hơn, góp phần hạn chế áp dụng hình phạt tử hình trên thực tế.
Điều 41. Cấm đảm	Các điều luật này quy định thời gian tính thời hạn cấm đảm nhiệm chức vụ,	Bổ sung quy định về thời hạn được tính từ

nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và Điều 42 . Cấm cư trú	cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định và thời hạn cấm cư trú bắt đầu từ ngày “chấp hành xong án phạt tù” là chưa bao quát trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, vì bản chất tha tù trước thời hạn có điều kiện là chưa chấp hành xong bản án, nhưng vì các yếu tố tích cực nên người bị kết án được tha trước thời hạn so với quy định của bản án.	khi chấp hành xong án phạt tù hoặc được tha tù trước thời hạn có điều kiện.
Điều 45 . Tịch thu tài sản	Quy định như hiện hành chỉ cho phép tịch thu tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án. Trên thực tế, có nhiều trường hợp tài sản có liên quan đến người bị kết án, nhưng không chứng minh được thuộc sở hữu của người này, không rõ nguồn gốc của tài sản này thì không bị tịch thu do không có cơ chế là không phù hợp.	Bổ sung trường hợp tịch thu đối với tài sản tuy không thuộc sở hữu của người bị kết án nhưng có căn cứ cho rằng có liên quan đến người bị kết án và không rõ nguồn gốc.
Điều 46 . Các biện pháp tư pháp	Theo quy định tại Điều 46 BLHS tình tiết “khôi phục lại tình trạng ban đầu” chỉ áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội mà không quy định đối với người phạm tội, gây khó khăn trong thực tiễn giải quyết.	Nghiên cứu sửa đổi Điều 45 theo hướng bổ sung chủ thể là người phạm tội có thể bị áp dụng biện pháp “khôi phục lại tình trạng ban đầu”.
Điều 47 . Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan đến tội phạm; và Điều 48 . Trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi	- Theo quy định tại Điều 47, “vật, tiền” có thể được sử dụng làm công cụ, phương tiện để thực hiện tội phạm, đồng thời “vật, tiền” cũng có thể là “sản phẩm” có được do việc thực hiện tội phạm và đều là đối tượng bị tịch thu để sung vào ngân sách của nhà nước. Tuy nhiên, thực tế hiện nay cho thấy chúng ta đang đứng trước kỷ nguyên của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 thì thuật ngữ “vật, tiền” đã không phản ánh đầy đủ những gì mới xuất hiện như đồng tiền điện tử, phần mềm máy tính, games điện tử, phần mềm trí tuệ nhân tạo... Đây đều không phải “vật, tiền” (vì không thuộc về thế giới vật chất mà con người có thể nhận biết qua thị giác, xúc giác) nhưng có thể quy đổi thành giá trị vật chất và trong nhiều trường hợp đều có thể sử dụng làm công cụ, phương tiện thực hiện tội phạm. - Hiện nay, đối với những vụ án trong lĩnh vực giao thông thì thông thường, hậu quả xảy ra là ngoài ý muốn của người phạm tội, đồng thời, người phạm tội không cố ý sử dụng phương tiện của mình để phạm tội, nhưng phương tiện giao thông trong trường hợp này được coi là vật liên quan trực tiếp đến tội phạm và bị tịch thu là chưa phù hợp, gây thất thoát tài sản, lãng phí nguồn lực, đồng thời, gây tổn kém trong hoạt động lưu kho, bãi và bảo quản đối với loại tài sản này.	- Bổ sung “các sản phẩm khác do con người tạo ra có giá trị vật chất” tại Điều 47, Điều 48 để bao quát cả các dạng như tiền ảo, tài khoản game...; bên cạnh đó, sửa đổi khái niệm về tài sản tại Bộ luật Dân sự năm 2015 cho phù hợp để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. - Đề nghị bỏ quy định tịch thu tài sản trực tiếp liên quan đến tội phạm trong trường hợp phạm tội ngoài ý muốn chủ quan của người phạm tội, ví dụ như các tội về giao thông.
Điều 49 . Bắt buộc	Khoản 2 Chỉ quy định Tòa án ra quyết định bắt buộc chữa bệnh là chưa đầy	Bổ sung thẩm quyền của Viện kiểm sát ra

chữa bệnh	đủ, bởi khi ở giai đoạn điều tra, truy tố thì Viện kiểm sát ra quyết định bắt buộc chữa bệnh, đến giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Tòa án mới có thẩm quyền ra quyết định bắt buộc chữa bệnh đối với bị can.	quyết định bắt buộc chữa bệnh tại khoản 2
Chương VIII. Quyết định hình phạt		
Điều 51. Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự	Tình tiết giảm nhẹ phạm tội do lạc hậu là không còn phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế, xã hội, đặc biệt là trong thời đại phát triển bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông như hiện nay.	Bỏ tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội.
Điều 52. Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự	Trường hợp người phạm tội sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn gây nhiều khó khăn cho việc điều tra tội phạm. Đối với trường hợp này, việc tăng nặng trách nhiệm hình sự là điều cần thiết nhưng BLHS hiện hành không quy định tình tiết này.	Bổ sung tình tiết tăng nặng “bỏ trốn” tại Điều 52
Điều 57. Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt, chuẩn bị phạm tội	- Tại khoản 3 Điều 57 quy định: “Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức hình phạt tù mà điều luật quy định”, quy định như trên là chưa rõ ràng, mức hình phạt mà điều luật quy định là mức cao nhất, thấp nhất hay mức hình phạt nào, chưa phù hợp về mặt kỹ thuật lập pháp. - Thực tiễn xét xử có trường hợp kết luận giám định xác định: bị hại hiện sống thực vật, tổn hại sức khỏe lên đến 100% nhưng theo hướng dẫn tại tiểu mục I mục 14 Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chế bệnh viện trong đó xác định “Người bệnh tử vong được xác định bằng chết sinh học: ngừng thở, tim ngừng đập, kết quả điện tim, điện não thể hiện bằng một đường thẳng điện được ít nhất hai bác sỹ khám và kết luận”. Như vậy, trường hợp này bị hại chưa tử vong nên Tòa án áp dụng Điều 15 và Điều 57 của BLHS tuyên phạt bị cáo tối đa 20 năm tù; Tuy nhiên, có quan điểm cho rằng hình phạt nêu trên là không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.	- Bổ sung từ cụm từ “cao nhất” tại Điều 57 để chỉnh lý thành “Nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt không quá ba phần tư mức hình phạt tù cao nhất mà điều luật quy định”. - Nghiên cứu đề sửa đổi, bổ sung Điều 57 theo hướng “Đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu điều luật được áp dụng có quy định hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình, thì chỉ có thể áp dụng các hình phạt này trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng” giống với quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999.
Chương IX. Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt		
Điều 60. Thời hiệu thi hành bản án	Điều 60 chưa quy định thời hiệu thi hành bản án đối với bản án áp dụng hình phạt trực xuất. - Điều 60 BLHS quy định về thời hiệu thi hành bản án và khi hết thời hiệu đó	Bổ sung điểm a khoản 2 Điều 60 như sau: a) 05 năm đối với các trường hợp xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ, <i>trực xuất</i> hoặc

	thì người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên. Đối với hình phạt tử hình thì thời hiệu thi hành bản án là 20 năm (điểm d khoản 2 Điều 60). Tuy nhiên, thực tiễn có những trường hợp người bị kết án tử hình đã 20 năm nhưng vẫn chưa thi hành. Trong trường hợp này, theo quy định tại Điều 60 BLHS thì người bị kết án tử hình sẽ không phải thi hành án tử hình theo bản án đã tuyên, nhưng hình phạt tử hình trong trường hợp này có chuyển thành hình phạt tù chung thân hay không thì lại chưa có quy định cụ thể, rõ ràng, gây lúng túng cho các cơ quan thực thi pháp luật.	xử phạt tù từ 03 năm trở xuống...”. - Bổ sung quy định người bị kết án tử hình mà hết thời hiệu thi hành bản án thì được chuyển xuống tù chung thân
Điều 66. Tha tù trước thời hạn có điều kiện	- Việc áp dụng tha tù trước thời hạn có điều kiện còn khá hạn chế, đặc biệt là đối với các điều kiện như phạm tội lần đầu hoặc có nơi cư trú rõ ràng khiến cho việc áp dụng chính sách tha tù trước thời hạn có điều kiện trở nên bất hợp lý và thiếu tính linh hoạt trong thực tiễn. - Điểm a khoản 2 Điều 66 BLHS năm 2015 quy định không áp dụng chế định này đối với người bị kết án 10 năm tù trở lên về một trong các tội quy định tại Chương XIV do cố ý (Chương các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người) hoặc người bị kết án 07 năm tù trở lên đối với một trong các tội quy định tại Điều 168 (tội cướp tài sản), Điều 169 (tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản), Điều 248 (tội sản xuất trái phép chất ma túy), Điều 251 (tội mua bán trái phép chất ma túy) và Điều 252 (tội chiếm đoạt chất ma túy). Như vậy, theo quy định này thì người phạm tội xâm hại đến khách thể quan trọng hơn với tính chất, mức độ nghiêm trọng hơn là tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người lại được áp dụng chế định này rộng hơn so với những người phạm tội xâm hại đến khách thể khác ít nghiêm trọng hơn là sở hữu tài sản, ma túy. Tức là người phạm một trong các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người do cố ý nếu bị kết án 07 năm đến 09 năm tù thì vẫn được áp dụng chế định này, trong khi người phạm tội cướp tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản và một số tội phạm về ma túy thì bị kết án 07 năm đã không được áp dụng chế định này. Trong khi đó, về nguyên tắc thì người phạm tội xâm hại đến khách thể quan trọng hơn, tính chất, mức độ phạm tội nghiêm trọng hơn thì cần hạn chế áp dụng chế định này so với các tội phạm khác xâm hại đến khách thể ít quan trọng hơn với tính chất, mức độ ít nghiêm trọng hơn.	- Sửa đổi, bổ sung theo hướng mở rộng đối tượng, phạm vi điều kiện áp dụng tha tù trước thời hạn có điều kiện (như: bỏ điều kiện phạm tội lần đầu tại điểm a khoản 1 Điều 66 Bộ luật Hình sự do đã có các quy định tăng nặng hình phạt đối với trường hợp tái phạm, tái phạm nguy hiểm; bỏ điều kiện có nơi cư trú rõ ràng tại điểm c khoản 1 Điều 66 Bộ luật Hình sự do hiện nay việc quản lý dân cư đã chặt chẽ hơn...). - Chính lý quy định về mức phạt tù đối với các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người để được xét giảm hình phạt tù có điều kiện ngang bằng hoặc thấp hơn mức phạt tù đối với các tội xâm phạm sở hữu để bảo đảm tính công bằng.

	- Theo quy định tại khoản 4 Điều 66 thì người vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên hoặc bị xử phạt vi phạm hành chính 02 lần trở lên trong thời gian thử thách thì tòa án có thể hủy bỏ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện. Tuy nhiên, đối với trường hợp người đó vi phạm nghĩa vụ 01 lần, đồng thời bị xử phạt vi phạm hành chính 01 lần trong thời gian thử thách thì không bị áp dụng quy định này, trong khi tính chất, mức độ của những lần vi phạm là tương đương nhau.	- Bổ sung quy định về tổng hợp vi phạm 01 lần hành chính và vi phạm nghĩa vụ 01 lần để bảo đảm phù hợp, công bằng
Điều 67. Hoãn chấp hành hình phạt tù, Điều 68. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	Hai điều luật chưa quy định việc hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù chung thân, tử hình	Bổ sung quy định về việc hoãn, tạm đình chỉ án phạt tù chung thân và hình phạt tử hình
Điều 68. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	Đối với người đang chấp hành án đồng thời là bị can, bị cáo trong vụ án khác thuộc diện phải tạm giam thì chưa có quy định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với đối tượng này để thực hiện quyết định tạm giam của cơ quan tiến hành tố tụng. Điều này dẫn đến khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án nếu bị can, bị cáo trong vụ án khác vẫn chấp hành án phạt tù tại cơ sở giam giữ.	Bổ sung quy định về tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với đối tượng người đang chấp hành án đồng thời là bị can, bị cáo trong vụ án khác.
Chương X. Xóa án tích		
Điều 69. Xóa án tích	Điều này quy định, “Người bị kết án do <i>lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng</i> và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích”. Quy định như trên dễ dẫn đến cách hiểu là lỗi vô ý chỉ gắn với tội phạm ít nghiêm trọng, không gắn với tội phạm nghiêm trọng.	Chỉnh lý lại như sau: “Người bị kết án do lỗi vô ý về tội phạm ít nghiêm trọng, <i>lỗi vô ý về tội phạm nghiêm trọng</i> và người được miễn hình phạt không bị coi là có án tích”
Điều 70. Đương nhiên xóa án tích	Khoản 2 Điều 70 quy định về xóa án tích đối với trường hợp phải thi hành các quyết định khác của bản án mà có thời gian thi hành theo kỳ và kéo dài hoặc không có kỳ hạn như các vấn đề cấp dưỡng cho người chưa thành niên đến năm 18 tuổi hoặc cấp dưỡng cho người già đến khi chết... là rất khó để áp dụng được, dẫn đến ảnh hưởng đến quyền lợi của người bị kết án.	Nghiên cứu để không quy định về điều kiện được xóa án tích khi đã thực hiện xong “các quyết định khác” của Tòa án bao gồm các quyết định mà có thời gian thực hiện kéo dài để bảo đảm quyền lợi cho người bị kết án. - Bổ sung quy định về cách tính thời hạn đương

	- Điều luật chưa quy định rõ việc tính thời hạn đương nhiên được xóa án tích trong trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều bản án hay căn cứ vào mức hình phạt của từng tội.	nhiên xóa án tích đối với trường hợp tổng hợp hình phạt của nhiều tội trong cùng lần xét xử và tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.
Chương XI. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội		
Nhiều điều luật	Quy định về pháp nhân thương mại có nhiều vấn đề còn bất cập: - Chưa có cơ chế rõ ràng để buộc các pháp nhân thương mại phải khắc phục các hậu quả đã gây ra, đặc biệt là trong các vụ án gây thiệt hại lớn về môi trường, tài chính. Ví dụ, nếu cá nhân không chấp hành bản án sẽ bị xử lý hình sự theo Điều 380, tuy nhiên, chưa có cơ chế tương tự đối với pháp nhân thương mại. - Bộ luật Hình sự hiện hành còn thiếu một số quy định để điều chỉnh về pháp nhân thương mại, dẫn đến thiếu cơ chế để xử lý trong một số trường hợp cụ thể, đồng thời, chưa khuyến khích các doanh nghiệp tích cực khắc phục hậu quả, đổi mới, cải thiện sản xuất kinh doanh và tăng cường đóng góp cho xã hội như: Thiếu quy định về hình phạt tịch thu tài sản đối với pháp nhân thương mại; thiếu quy định về tái phạm, tái phạm nguy hiểm; thiếu quy định về xóa án tích trong trường hợp đặc biệt hoặc giảm thời hạn chấp hành hình phạt trong trường hợp đặc biệt đối với pháp nhân thương mại, giảm mức hình phạt đã tuyên... (tương tự như đối với cá nhân).	- Nghiên cứu, bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự để buộc các pháp nhân thương mại phải khắc phục các hậu quả mà mình gây ra. - Nghiên cứu để bổ sung các quy định này để bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý trong xử lý pháp nhân thương mại phạm tội nhằm phân biệt rạch ròi giữa vấn đề cá nhân phạm tội và pháp nhân thương mại phạm tội.
Điều 75. Điều kiện chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại	Quy định tại điểm a (hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại) và điểm c (hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành và chấp thuận của pháp nhân thương mại) khoản 1 Điều này là chưa độc lập với nhau, có sự trùng lặp trong nội hàm của hai điều kiện này, vì nếu đã có sự chỉ đạo, điều hành hay chấp thuận của pháp nhân thương mại thì chính là đã nhân danh pháp nhân thương mại, và ngược lại, một hoạt động nhân danh pháp nhân thương mại phải luôn có sự chỉ đạo, điều hành và chấp thuận của pháp nhân thương mại.	Hợp nhất 02 khoản này, làm rõ hơn về cấu thành hành vi.
Điều 76. Phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp	- Phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại chỉ là 33 tội, chủ yếu tập trung vào các nhóm tội về môi trường, kinh tế; trong khi đó, các nhóm tội về thuế, lao động, tài chính, bảo hiểm, các tội về tài sản như cho vay lãi nặng, lừa đảo, chiếm đoạt tài sản; các tội về sử dụng đất đai... vẫn chưa quy định trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại là chưa phù hợp với thực tiễn.	- Nghiên cứu, rà soát để mở rộng phạm vi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại, đặc biệt là các tội mà thực tế các pháp nhân thương mại thường xuyên thực hiện. - Bổ sung quy định tại khoản 1 các điều luật thuộc

nhân thương mại	- Điều này quy định "Pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm quy định tại một trong các điều 188, 189, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 196, 200, 203, 209, 210, 211, 213, 216, 217, 225, 226, 227, 232, 234, 235, 237, 238, 239, 242, 243, 244, 245, 246, 300 và 324 của Bộ luật này." Tuy nhiên, tại cấu thành cơ bản (khoản 1 của các điều luật nêu trên), BLHS quy định "người nào" là chưa đầy đủ và chặt chẽ. Vì "người nào" là thuật ngữ chỉ con người cụ thể không bao hàm pháp nhân thương mại.	phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại về việc người nào hoặc pháp nhân thương mại nào vi phạm thì sẽ bị xử lý hình sự.
Điều 78. Đình chỉ hoạt động có thời hạn	- Khoản 1 Điều 78 quy định: “Đình chỉ hoạt động có thời hạn là tạm dừng hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân thương mại phạm tội gây thiệt hại đến tính mạng , sức khỏe con người, môi trường hoặc an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hậu quả gây ra có khả năng khắc phục trên thực tế”. Quy định như trên là bất hợp lý vì đã xâm hại đến tính mạng thì không thể khắc phục. Bên cạnh đó, việc quy định. - Khoản 1 Điều 78 và khoản 1 Điều 79 quy định đình chỉ hoạt động của pháp nhân thương mại trong một hoặc một số “lĩnh vực” là không phù hợp với giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vì Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chỉ quy định đối với “ngành, nghề”.	- Xem xét bỏ phần quy định đối với “gây thiệt hại đến tính mạng”. - Tại khoản 1 Khoản 1 Điều 78 và khoản 1 Điều 79 thay thế cụm từ “lĩnh vực” bằng “ngành nghề”.
Điều 79. Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn	- Việc quy định đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân thương mại được thành lập “chỉ” để thực hiện tội phạm là chưa phù hợp với thực tiễn, vì bên cạnh các hoạt động bất hợp pháp, các doanh nghiệp có thể có các hoạt động khác hợp pháp. Bên cạnh đó, Điều này cũng chưa quy định việc đình chỉ vĩnh viễn đối với doanh nghiệp thành lập để che giấu, hợp thức hóa tội phạm để bảo đảm phù hợp với thực tiễn	Sửa đổi khoản 2 Điều 79 theo hướng: “ <i>Pháp nhân thương mại được thành lập chỉ chủ yếu để thực hiện tội phạm hoặc nhằm che giấu, hợp thức hóa tội phạm thì bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động.</i> ”
Điều 82. Các biện pháp tư pháp áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội	- Giữa khoản 2 và khoản 3 chưa rõ ràng: “khôi phục tình trạng ban đầu” – khoản 2 và “thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả” khoản 3 về bản chất là có trùng lặp. - Các điểm từ a đến e khoản 3 được thiết kế thiên về lĩnh vực môi trường, xây dựng, thương mại – xuất nhập khẩu, các biện pháp khắc phục hậu quả chưa dự liệu tương ứng với các hành vi phát sinh mới, dẫn đến khoảng trống, cần bổ sung vào khoản 3 như: “ g) Buộc khắc phục hậu quả trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, dữ liệu số; ví dụ: hoàn trả khoản thu trái pháp luật, xóa dữ liệu vi phạm, khôi phục hệ thống thông tin an toàn, buộc công khai thông tin về việc vi phạm và biện pháp khắc phục trên phương tiện thông	Nghiên cứu gộp khoản 2 vào khoản 3 và thiết kế lại chia thành 2 nhóm biện pháp khôi phục, khắc phục hậu quả đã xảy ra và nhóm biện pháp ngăn chặn hậu quả tiếp diễn.

	<i>tin đại chúng hoặc công thông tin doanh nghiệp”.</i>	
Chương XIII. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia		
Điều 109. Tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân	Quy định người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm quy định tại Điều 109 (tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân) là không phù hợp về kỹ thuật lập pháp, vì: trong mô tả về các hành vi chuẩn bị phạm tội tại Điều 14 có bao gồm hành vi thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm. Trong khi đó, hành vi cấu thành cơ bản của tội hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân cũng là hành vi thành lập hoặc tham gia tổ chức, trong trường hợp này được hiểu là “chuẩn bị của chuẩn bị”. Bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng cho thấy, tội phạm hoạt động nhằm lật đổ chính quyền nhân dân có thời điểm hoàn thành rất sớm, chỉ cần người phạm tội có những hoạt động nhằm thực hiện hành vi thành lập hoặc hành vi tham gia đã cấu thành tội phạm này. Do vậy, việc xử lý hành vi chuẩn bị phạm tội này gặp khó khăn.	Bổ quy định về truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội tại Điều 109.
Điều 118. Tội phá rối an ninh	Khoản 2 Điều 118. Tội phá rối an ninh quy định “ <i>người đồng phạm khác, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm</i> ”. Trong khi, tất cả các điều luật khác của Chương XIII không có quy định này. Bên cạnh đó, tại Phần chung của BLHS (Điều 17) đã quy định về đồng phạm và quyết định hình phạt đối với người đồng phạm. Do đó, quy định tại khoản 2 Điều 118 BLHS là chưa đảm bảo tính thống nhất với các quy định của BLHS.	Bổ quy định tại khoản 2 Điều 118
Chương XIV. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người		
Điều 123. Tội giết người	Hành vi giết người chưa được quy định cụ thể, rõ ràng, trong rất nhiều vụ án, hành vi giết người rất khó phân biệt với các hành vi làm chết người. Nhiều trường hợp bị cáo chỉ dùng hung khí đâm bừa, chém bừa nhưng trúng vào vùng trọng yếu của nạn nhân, nạn nhân không bị chết và mục đích của bị cáo cũng không muốn nạn nhân chết, song vẫn bị xử về tội danh giết người. Như vậy, rõ ràng là chưa có sự tách biệt trong định tội danh, dẫn đến nhiều hành vi chủ yếu mang tính nong giận, bột phát, thậm chí chưa gây hậu quả nhưng vẫn có thể bị xử lý về tội giết người, đáng nói, đây là một trong những điều luật có mức hình phạt nặng nhất trong Bộ luật Hình sự. Việc quy định chưa rõ ràng về hành vi giết người cũng có thể dẫn đến việc tùy nghi trong lựa chọn tội danh, khi là cố ý gây thương tích dẫn đến chết người, khi thì giết người; đồng thời, cũng có thể là nguyên nhân của những tiêu cực trong hoạt động tố tụng.	Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 123 theo hướng quy định rõ về hành vi giết người để thuận lợi trong áp dụng.
Điều 130.	Điều 130 BLHS quy định tội bức tử và Điều 140 BLHS quy định tội hành hạ người	Gộp 02 điều luật này với tên tội danh là “Tội làm

Tội bức tử và Điều 140. Tội hành hạ người khác	khác, tuy nhiên, về hành vi khách quan của 02 tội danh nêu trên là như nhau, nhưng tại BLHS đang tách ra thành 02 tội. Quy định này chưa phù hợp.	nhục người khác”, trong đó, nếu làm nhục người khác dẫn đến người đó tự sát sẽ là khung tăng nặng của tội này.
Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác	Quy định tại khoản 6 Điều này là không phù hợp, vì: Theo quy định của khoản 1, một người gây thương tích trên 11% hoặc dưới 11% nhưng thuộc các trường hợp quy định tại các điểm từ a đến k khoản này thì có thể bị xử lý hình sự. Tuy nhiên, theo quy định của Điều 155 Bộ luật Tố tụng hình sự thì người phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự sẽ chỉ bị xử phạt vi phạm hành chính, không bị xử lý hình sự nếu bị hại không yêu cầu. Trong khi đó, khoản 6 Điều 134 quy định về trường hợp chuẩn bị phạm tội lại quy định chỉ cần người nào thực hiện một trong các hành vi chuẩn bị được mô tả thì sẽ bị xử lý hình sự. Như vậy, một hành vi đã xảy ra và gây hậu quả trên thực tế nhưng sẽ không bị xử lý hình sự nếu không có yêu cầu của bị hại, trong khi đó, một hành vi chưa diễn ra, chưa có hậu quả xảy ra nhưng lại bị xử lý hình sự, không cần có hay không yêu cầu của bị hại, quy định như trên là chưa phù hợp, không đảm bảo tính công bằng. Bên cạnh đó, trong cùng một điều luật, các khoản còn lại của Điều này (khoản 1, 2, 3, 4, 5) đều căn cứ vào cấu thành vật chất (tỉ lệ tổn thương cơ thể) để truy cứu trách nhiệm hình sự thì khoản 6 lại căn cứ vào cấu thành hình thức (chỉ cần có hành vi) để truy cứu trách nhiệm hình sự là chưa thống nhất. Ngoài ra, hành vi chuẩn bị, vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm như trong mô tả của khoản 6 có thể bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 144 hoặc nếu đủ yếu tố cấu thành có thể tùy từng trường hợp để xử lý hình sự về các tội khác nhau như tội gây rối trật tự công cộng (Điều 318), tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự (Điều 304); tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ (Điều 305)...., các tội này đều có khung hình phạt tương đối nghiêm khắc. Do vậy, nếu quy định thêm tại khoản 6 Điều này có thể dẫn đến trùng lặp, chồng chéo.	Bộ quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự để đảm bảo tính công bằng, thống nhất trong quy định của pháp luật.
Điều 136. Tội cố ý gây	Theo quy định tại Điều 136 của BLHS thì hình phạt tại khoản 1 đối với tội này là cải tạo không giam giữ “<i>đến 03 năm</i>”. Tuy nhiên, mức hình phạt cải tạo	Nghiên cứu để giảm mức hình phạt cải tạo không giam giữ tại khoản 1 Điều 136 xuống 02 năm để

thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội	không giam giữ đối với Tội giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội (Điều 126) - tội có tính chất nguy hiểm hơn là “ <i>đến 02 năm</i> ”. Như vậy, hành vi phạm tội có tính chất ít nguy hiểm lại có mức hình phạt cao hơn hành vi phạm tội có tính chất nguy hiểm hơn. Quy định như trên là chưa phù hợp về mặt kỹ thuật lập pháp.	bảo đảm sự tương thích trong mức hình phạt của các tội có cùng tính chất, mức độ, bảo đảm kỹ thuật lập pháp.
Điều 142. Tội hiếp dâm người dưới 16 tuổi	Điểm b khoản 1 Điều này quy định hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 13 tuổi (đủ 10 tuổi đến dưới 13 tuổi) thì bị phạt tù từ 07 đến 15 năm. Điểm c khoản 3 Điều này quy định hành vi giao cấu hoặc hành vi quan hệ tình dục khác với người dưới 10 tuổi thì có thể bị phạt tù từ 20 năm đến chung thân hoặc tử hình. Tuy nhiên, tại khoản 2 lại không quy định về độ tuổi bị xâm hại để định khung hình phạt, như vậy là chưa logic.	Nghiên cứu, quy định độ tuổi bị xâm hại tại khoản 2 để đảm bảo tính logic.
Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi tình dục khác với người từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi	Tại khoản 2 các Điều 141, 142, 143, 144, 146, 147 BLHS (các tội xâm hại tình dục) đều có tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” nhưng lại không quy định tình tiết định khung này là bắt cập và chưa phù hợp.	Bổ sung tình tiết tái phạm nguy hiểm vào Điều 145 BLHS.
Điều 146. Tội dâm ô đối với	Điều này quy định mức hình phạt cao nhất chỉ là 12 năm, với mức gây rối loạn tâm thần và hành vi của nạn nhân mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên hoặc làm nạn nhân tự sát là chưa đủ tính răn đe, chưa phù hợp với tính chất và mức	Nâng mức phạt cao nhất của tội này lên 20 năm tù để bảo đảm tính răn đe.

người dưới 16 tuổi	độ nguy hiểm của hành vi, chưa thể hiện tinh thần bảo vệ trẻ em.	
Điều 147. Tội sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm	Tên tội danh là “ <i>sử dụng người dưới 16 tuổi vào mục đích khiêu dâm</i> ” chưa phù hợp với nội dung của điều luật, vì nội dung điều luật bao gồm cả việc <i>dụ dỗ, ép buộc, lôi kéo người dưới 16 tuổi chứng kiến việc trình diễn khiêu dâm.</i>	Nghiên cứu để đổi tên của Điều 147 cho phù hợp với nội dung của Điều luật này.
Điều 155. Tội làm nhục người khác	Mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 155 cao nhất là cải tạo không giam giữ đến 03 năm, đồng thời, làm nhục đến mức làm người khác tự sát hoặc gây rối loạn tâm thần cũng chỉ bị phạt tù cao nhất đến 05 năm là chưa nghiêm, chưa phù hợp với tính chất nguy hiểm và tình hình loại tội phạm này thời gian gần đây, đặc biệt là trên không gian mạng; chưa phù hợp với tính chất và tầm quan trọng của khách thể mà điều luật này bảo vệ là danh dự của một con người.	Cần quy định mức hình phạt nghiêm khắc hơn.
Chương XVI. Các tội xâm phạm sở hữu		
Nhiều điều luật	- Hiện nay, một số điều luật của Chương này quy định về định giá tài sản bị xâm hại làm tình tiết định khung cơ bản còn thấp, chưa phù hợp với tình hình kinh tế, tài chính, xã hội hiện nay, ví dụ: mức định khung cơ bản đối với các tội trộm cắp tài sản; tội công nhiên chiếm đoạt tài sản; tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản... chỉ là 2 triệu đồng; mức định khung cơ bản của tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản chỉ là 4 triệu đồng. Bên cạnh đó, việc định giá tài sản bị thiệt hại trong các tội về xâm phạm sở hữu trong một số tình huống là rất khó khăn, ví dụ: trong một vụ trộm cắp tài sản, trường hợp cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt; lời khai giữa bị hại và bị can còn mâu thuẫn về số lượng và giá trị của tài sản; bị hại không cung cấp được các hóa đơn, chứng từ, tài liệu thể hiện nguồn gốc, xuất xứ... của tài sản gây khó khăn cho công tác định giá tài sản cũng như quá trình điều tra vụ án. - Chưa có quy định cụ thể về giá trị và số lượng của tài sản là di vật hoặc cổ vật tại các điều luật trong Chương này để đảm bảo sự phân hóa trách nhiệm hình sự. - Các tội xâm phạm sở hữu có tính chất chiếm đoạt như Tội cướp giật tài sản	- Sửa đổi, bổ sung các điều thuộc Chương XVI Bộ luật Hình sự theo hướng tăng mức giá trị tài sản định khung hình phạt. Bên cạnh đó, liên ngành tư pháp Trung ương cần hướng dẫn về hoạt động định giá tài sản trong các vụ án xâm phạm sở hữu để có cơ sở áp dụng. - Nghiên cứu, bổ sung về giá trị và số lượng của tài sản là di vật, cổ vật tại Điều này. - Nghiên cứu để quy định về cấu thành cơ bản của các tội này, làm rõ hành vi khách quan để thống nhất trong áp dụng.

	(Điều 171), Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172), Tội trộm cắp tài sản (Điều 173) chỉ nêu tội danh, không quy định cụ thể cấu thành tội phạm, đặc biệt không mô tả hành vi thuộc mặt khách quan của tội phạm nên dẫn đến nhiều trường hợp thực hiện không thống nhất, có nhiều trường hợp nhầm lẫn trong việc định tội danh.	
Điều 174, 175	Điều 174, Điều 175 quy định trị giá tài sản chiếm đoạt định khung ở khoản 4 là 500.000.000 đồng trở lên, với khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân là không phù hợp với kinh tế thị trường hiện nay, giá trị tiền hiện nay, hầu hết các bị can đều phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với trị giá tài sản trên 500.000.000 đồng.	Cần sửa đổi nâng trị giá tài sản chiếm đoạt tại khoản 4 Điều 174, 175 Bộ luật hình sự năm 2017 cho phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay.
Điều 179. Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp	Điều luật này chưa quy định hình phạt tiền là chưa phù hợp với thực tiễn, chưa phù hợp với tính chất của các tội xâm phạm sở hữu	Bổ sung hình phạt tiền để bảo đảm phù hợp
Chương XVII. Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình		
Nhiều điều luật	Các tội trong Chương này chưa quy định đối tượng đã bị kết án về tội này chưa được xoá án tích mà còn tái phạm dẫn đến tình trạng bỏ lọt tội phạm.	Bổ sung nội dung này vào các điều
Chương XVIII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế		
Mục 1. Các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại		
Điều 190. Tội	- Hiện nay, việc xác định hàng cấm căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự ¹⁷ , Luật Thương mại ¹⁸ và Luật Đầu tư ¹⁹ và văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên, các văn	Sửa đổi, bổ sung Điều 190 và 191 theo hướng, chỉ quy định chung về hành vi sản xuất, buôn bán hàng hóa bị cấm kinh

¹⁷ Điều 190 và Điều 191 của Bộ Luật Hình sự

¹⁸ Điều 25 của Luật Thương mại

¹⁹ Điều 6 của Luật Đầu tư 2020

sản xuất, buôn bán hàng cấm và Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm	bản này (đặc biệt là văn bản hướng dẫn thi hành) thường xuyên sửa đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu đối với sự phát triển của nền kinh tế trong từng giai đoạn khác nhau. Vì vậy, có thể loại hàng hóa ở thời điểm này sẽ bị cấm kinh doanh nhưng ở thời điểm khác có thể được phép kinh doanh. Đây là vấn đề bất cập trong thực tiễn áp dụng, dễ dẫn đến việc xử lý không chính xác. Thực tiễn xét xử cho thấy có trường hợp một văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm này xác định một mặt hàng là hàng cấm, nhưng ở thời điểm khác lại không coi mặt hàng đó là hàng cấm để phù hợp với cơ chế thị trường. Tuy nhiên, theo quy định của BLHS thì mặt hàng này vẫn thuộc loại hàng cấm. Ví dụ 1: Theo quy định tại Điều 190 và Điều 191 của BLHS thì người nào sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển thuộc lá điều nhập khẩu sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự về Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm (Điều 190) hoặc Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm (Điều 191) nếu đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, theo quy định của Nghị định số 173/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 15/02/2025) thì “thuốc lá điều nhập lậu” không còn là hàng hóa cấm kinh doanh. - Hình phạt áp dụng đối với các tội quy định tại Điều 190 và Điều 191 là quá nặng, chưa phù hợp với tính chất nguy hiểm của loại tội này, vì hàng cấm khác với hàng giả, hàng kém chất lượng, đồng thời, để xảy ra tình trạng này cũng xuất phát từ năng lực quản lý của cơ quan chức năng hạn chế, do vậy, giải pháp tối ưu cho loại tội phạm này là tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà nước thay vì phạt thật nặng. - Tại các Điều 190, 191 BLHS: Tại các Điểm của Khoản 1 thì có nêu cụm từ Sản xuất, buôn bán... nhưng tại khoản 2, khoản 3 của Điều luật thì không nêu cụm từ Sản xuất, buôn bán...	doanh, cấm lưu hành, cấm sử dụng thuộc danh mục được Nhà nước quy định để bảo đảm tính ổn định của Bộ luật Hình sự, bảo đảm sự linh hoạt trong áp dụng Bộ luật khi có sự thay đổi trong danh mục hàng hóa bị Nhà nước cấm; đồng thời cũng phù hợp với kỹ thuật lập pháp. - Nghiên cứu để giảm hình phạt đối với tội phạm quy định tại Điều 190 và Điều 191. - Cần có quy định cụ thể tại các Điểm của Khoản 2, Khoản 3, Điều 190, 191 BLHS nhằm dễ hiểu hơn khi áp dụng.
Mục 2. Các tội phạm trong lĩnh vực thuế, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm		

Điều 203. Tội in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước	- Điểm e khoản 2 của Điều này quy định tình tiết tăng nặng là “gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước từ 100.000.000 trở lên”, tuy nhiên, tại khung cơ bản ở khoản 1 lại không quy định về tình tiết định tội này, dẫn đến trường hợp một người có thể bị xử lý theo quy định của điểm e khoản 2 trong khi chưa thỏa mãn dấu hiệu cấu thành cơ bản tại khoản 1. - Khung hình phạt của tội này quá nhẹ so với những thiệt hại về ngân sách nhà nước cũng như tác động tiêu cực tới kinh tế - xã hội mà loại tội phạm này gây ra	Bổ sung tình tiết định tội gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tại khoản 1 Điều 203. - Nghiên cứu để tăng hình phạt đối với tội này
Điều 211. Tội thao túng thị trường chứng khoán	- Điều luật quy định chưa bao quát hết hậu quả phát sinh trong thực tế - Hình phạt nhẹ, chưa đủ tính răn đe, chưa phù hợp với tính chất của loại tội phạm này.	- Bổ sung quy định về hậu quả của hành vi thao túng thị trường chứng khoán, có thể là “gây mất an ninh tài chính tiền tệ” hoặc “gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của thị trường chứng khoán”. - Sửa đổi, bổ sung hình phạt đối với hành vi thao túng thị trường chứng khoán theo hướng tăng thêm mức độ, có thể tăng từ 7 năm tù lên 20 năm tù là mức hình phạt cao nhất, kèm theo đó là các hình phạt bổ sung như: cấm đảm nhiệm các chức vụ, cấm hành nghề từ 5-7 năm... để đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa tội phạm.
Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động	Hành vi “trốn đóng BHXH” và hành vi “chậm đóng BHXH” là hai hành vi hoàn toàn khác nhau và bị xử lý bởi các luật khác nhau, trong đó, hành vi chậm đóng chỉ bị xử lý về mặt hành chính, chính vì vậy, trên thực tế, nhiều đối tượng lợi dụng chưa có quy định cụ thể của pháp luật để chuyển hóa từ “trốn đóng” thành “chậm đóng” bằng cách khi nào cơ quan chức năng điều tra, xác minh thì mang tiền đi đóng, còn không thì chây ỳ không đóng, cơ quan chức năng cũng không có cơ sở để xử lý hình sự về hành vi chậm đóng. Do vậy, quy định tên điều luật như hiện tại là không phù hợp, không bao quát hết được các hành vi vi phạm trong lĩnh vực bảo hiểm.	Sửa tên Điều 216 thành “Tội vi phạm quy định về chế độ kê khai, đóng bảo hiểm xã hội...” để bao quát các hành vi trốn đóng, chậm đóng...
Mục 3. Các tội phạm khác xâm phạm trật tự quản lý kinh tế		
Điều 226. Tội xâm phạm	Tại khoản 1 Điều 226 quy định: “Người nào cố ý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt	Bổ sung các đối tượng sở hữu công nghiệp khác tại Điều này cho phù hợp.

quyền sở hữu công nghiệp	Nam...”. Như vậy, trong số các đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp thì chỉ có nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại Việt Nam mới là đối tượng tác động của tội phạm. Việc giới hạn này là chưa hợp lý, cần phải đưa các đối tượng còn lại của quyền sở hữu công nghiệp. Bởi vì: Các hành vi xâm phạm đến các đối tượng này cũng gây hậu quả lớn; mặt khác, việc đưa các đối tượng còn lại của quyền sở hữu công nghiệp vào làm đối tượng tác động của tội xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp cũng không trái với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.	
Điều 227. Tội vi phạm quy định về nghiên cứu, thăm dò, khai thác tài nguyên	Mức hình phạt quy định tại Điều 227 BLHS còn nhẹ, chưa đủ sức răn đe. Mức hình phạt tối đa đối với cá nhân là 07 năm tù, đối với pháp nhân thương mại là phạt tiền 07 tỷ đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn 03 năm, trong khi nhiều vụ án gây thiệt hại rất lớn, hủy hoại nghiêm trọng tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái,..., nhiều tác động, ảnh hưởng đến tài nguyên rất khó khắc phục, khôi phục kể cả trong nhiều năm.	Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 227 BLHS theo hướng nâng mức cao nhất của khung hình phạt cho phù hợp và tương xứng hơn với hậu quả, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra; tăng hình phạt bổ sung nhất là tăng mức phạt tiền bổ sung đối với pháp nhân thương mại.
Nhiều điều luật.	Các điều: 220 (tội vi phạm quy định về quản lý và sử dụng vốn đầu tư công gây hậu quả nghiêm trọng); Điều 221 (tội vi phạm quy định về kế toán gây hậu quả nghiêm trọng); Điều 222 (tội vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng); Điều 224 (tội vi phạm quy định về đầu tư công trình xây dựng gây hậu quả nghiêm trọng); Điều 230 (tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thi hồi đất) có khách thể là trật tự quản lý kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay chỉ quy định mức thiệt hại về tiền làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội này là chưa hợp lý, chưa bao quát hết nội hàm của khách thể là trật tự quản lý kinh tế như: niềm tin của quần chúng nhân dân với chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước; uy tín của cơ quan quản lý nhà nước; hoạt động bình thường của các cơ quan, đơn vị quản lý kinh tế... Chưa kể, trong rất nhiều trường hợp, việc chứng minh thiệt hại về mặt vật chất để truy cứu trách nhiệm hình sự về các tội này là rất khó khăn, vì không phải trường hợp nào cũng có đủ căn cứ để xác định được mức độ chênh lệch giữa giá trị của tài sản, hàng hóa ở trạng thái bị tác động và giá trị giả định của tài sản, hàng hóa ở trạng thái bình thường nếu không bị tác động.	Nghiên cứu, bổ sung các thiệt hại khác ngoài thiệt hại về tiền như đã quy định.
Điều 227. Tội vi phạm quy	Hiện nay, Bộ luật Hình sự chưa quy định trách nhiệm pháp lý của pháp nhân thương mại đối với Tội vi phạm quy định về sử dụng đất là chưa phù hợp vì:	Nghiên cứu để bổ sung trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại tại Điều 227 và Điều 230 Bộ

định về sử dụng đất và Điều 230. Tội vi phạm quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	pháp nhân thương mại là một loại chủ thể sử dụng đất được quy định trong Luật Đất đai năm 2024, những sai phạm, thiệt hại do pháp nhân thương mại gây ra do vi phạm quy định về sử dụng đất đai thường lớn hơn xuất phát từ quy mô khai thác thương mại. Bên cạnh đó, pháp nhân thương mại nếu là chủ đầu tư các dự án sẽ trực tiếp vào một hoặc một số giai đoạn, quá trình bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Trường hợp chủ đầu tư vi phạm trong việc bảo đảm kinh phí bồi thường dẫn đến khiếu kiện, tập trung đông người, chậm tiến độ dự án gây đội vốn thì chỉ bị xử lý hành chính sẽ là bất hợp lý.	luật Hình sự để nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai, phù hợp với tình hình vi phạm pháp luật về đất đai do pháp nhân thương mại thực hiện, tránh bỏ lọt tội phạm.
Điều 229. Tội vi phạm các quy định về quản lý đất đai	Điều 229 quy định về diện tích đất bị xâm hại làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự, tuy nhiên, chỉ mới quy định về các loại đất riêng rẽ, chưa có quy định về tổng hợp các loại đất bị xâm hại, ví dụ như một người vừa xâm hại đất trồng lúa, vừa xâm hại đất ở... thì tính tổng định lượng bị xâm hại như thế nào dẫn đến tình trạng, mặc dù diện tích mỗi loại đất bị xâm hại đều thấp hơn mức định lượng làm căn cứ định tội, nhưng tổng định lượng lại lớn hơn mức định lượng dùng làm căn cứ định tội, tuy nhiên vẫn không bị xử lý hình sự.	Nghiên cứu để quy định về tính tổng diện tích của nhiều loại đất bị xâm hại để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự tại Điều 229 Bộ luật Hình sự.
Điều 232. Tội vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng, lâm sản;	Tại Điều 232, các quy định của Điều luật còn sơ hờ, chưa chặt chẽ, chưa có quy định về việc cộng dồn các mức định lượng để làm cơ sở định tội hoặc định khung hình phạt, ví dụ như: điểm a khoản 1 Điều 232 quy định: người nào khai thác trái phép rừng sản xuất là rừng trồng từ 20 mét khối (m³) đến dưới 40 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 15 mét khối (m³) đến dưới 30 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Quy định như trên khó áp dụng để xử lý trong một số trường hợp đối tượng phá nhiều loại rừng nhưng mỗi loại rừng đều chưa đến mức xử lý hình sự; khai thác trái phép nhiều loại rừng nhưng khối lượng mỗi loại gỗ đều chưa đến mức xử lý hình sự. Ví dụ: đối tượng thực hiện hành vi vận chuyển chưa đến 10m³ gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA và chưa đến 15m³ gỗ loài thực vật rừng thông thường, nếu theo quy định thì đối tượng không bị xử lý hình sự, mặc dù tổng khối lượng các loại gỗ là 25m³ và tính	Sửa đổi, bổ sung Điều này theo hướng người cùng thực hiện hai hành vi vận chuyển chưa đến 10m³ gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm nhóm IIA và chưa đến 20m³ gỗ loài thực vật rừng thông thường nhưng tổng khối lượng hai loại gỗ trên 20m³ thì bị xử lý hình sự.

	chất nguy hiểm rõ ràng là cao hơn.	
Điều 234. Tội vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật hoang dã	Quy định tại Điều luật này xác định giá trị tang vật làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, động vật hoang dã là hàng cấm, không được lưu thông trên thị trường nên không thể định giá, hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự nhiều lần từ chối định giá đối với loại tang vật trên, gây khó khăn cho quá trình điều tra, xử lý các vụ án.	Sửa đổi Điều này theo hướng: Bên cạnh định lượng về giá trị của động vật hoang dã và định lượng về số tiền thu lợi bất chính, cần bổ sung định lượng về số lượng cá thể hoặc trọng lượng để thuận tiện cho quá trình điều tra. Hoặc liên ngành tư pháp trung ương ban hành hướng dẫn về việc định giá đối với tang vật là động vật hoang dã.
Chương XIX. Các tội phạm về môi trường		
Điều 235. Tội gây ô nhiễm môi trường	<i>- Về quy định đối với hành vi xả thải ra môi trường nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường (điểm c, d khoản 1; điểm b khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 235): Những hành vi xả thải ra môi trường nước thải có thông số môi trường nguy hại vượt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường n lần (n là số lần vượt so với quy chuẩn kỹ thuật) là những hành vi cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, trong thực tế có những trường hợp cần phải xem xét, bổ sung để quy định này bảo đảm chặt chẽ, đầy đủ hơn. Ví dụ: Chỉ tiêu pH vượt ngưỡng trong nước thải không được biểu hiện bằng số lần vượt mà chỉ quy định nằm ngoài khoảng cho phép; theo quy định tại QCVN 07:2009/BTNMT - quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại thì $pH \leq 2$ hoặc $pH \geq 12,5$ (là thành phần nguy hại) thì không áp dụng được quy định tại Điều 235 do không thể tính được số lần vượt.</i>	- Sửa đổi Điều 235 cho phù hợp với tình hình thực tế.
Nhiều điều luật	Trong định khung hình phạt của tất cả các tội phạm về môi trường thì không có khung hình phạt ở mức đặc biệt nghiêm trọng, mức phạt tối đa chỉ là 10 năm tù, trong khi đó, tội phạm về môi trường gây những hậu quả rất nghiêm trọng về sức khỏe của người dân, gây hệ lụy lâu dài đối với các thế hệ tương lai.	Tăng khung hình phạt đối với các tội phạm về môi trường để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, góp phần bảo vệ môi trường sống cho các thế hệ tương lai.
Chương XX. Các tội phạm về ma túy		
Nhiều điều luật	- Việc quy định khối lượng các chất ma túy tại các khoản trong các điều luật chưa mang tính khoa học, không đồng nhất với nhau (Ví dụ nhựa thuốc phiện > Heroin 100 lần ở quy định ở khoản 1 thì khoản 2 cũng phải >100 lần) để tạo thuận lợi trong việc quy đổi, tính tổng khối lượng chất ma túy.	- Rà soát, sửa đổi về định lượng các chất ma túy tại các khoản thuộc các điều của Chương này để đảm bảo tính khoa học, logic và thống nhất.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy	Hiện nay, với cấu thành của Điều luật này, những người phân công nhau làm một số công việc để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy rất dễ và hầu như bị xử lý hình sự về Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, trong khi hình phạt đối với tội này là rất nghiêm khắc, tương đương với tội vận chuyển và tàng trữ trái phép chất ma túy. Điều này là bất hợp lý, bởi lẽ những hành vi phân công và cùng nhau sử dụng chất ma túy cũng gần tương tự với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nhưng lại bị xử lý rất nặng. Trong nhiều trường hợp, nếu đi mua ma túy về để sử dụng thì chỉ bị xử về tội sử dụng trái phép chất ma túy, nhưng nếu mua ma túy về và cùng người khác sử dụng thì bị xử về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.	Điều chỉnh tình tiết định tội để cụ thể hơn, chỉ xử lý về tội này nếu hành vi tổ chức này gắn với các yếu tố như mang tính chuyên nghiệp, tính chỉ đạo, điều hành, thu lợi bất chính... của người đứng ra tổ chức. Quy định như trên để bảo đảm tính công bằng, bảo đảm tính tương thích của hình phạt và hành vi.
Chương XXI. Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng		
Mục 1. Các tội xâm phạm an toàn giao thông		
Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ	Tại Điều 260, (tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ), định lượng hậu quả về sức khỏe, tài sản để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người điều khiển phương tiện giao thông về hành vi phạm tội theo khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (gây tổn hại sức khỏe cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên...) là quá cao chưa phù hợp với thực tiễn hiện nay khi tình hình tai nạn giao thông diễn biến phức tạp, chưa đảm bảo tính răn đe để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật giao thông.	Sửa đổi các Điều này cho phù hợp với tình hình tội phạm này theo hướng giảm định lượng thiệt hại căn cứ làm mức định khung cơ bản.
Nhiều điều luật	Tại các điều luật về trật tự, an toàn giao thông, thực tế cho thấy, các tội xâm phạm trật tự, an toàn giao thông thường gây ra hậu quả đối với nhiều khách thể khác nhau như: tính mạng, sức khỏe, tài sản..., tuy nhiên, các tình tiết định khung tại các điều luật từ 260 đến 280 đều chỉ quy định mỗi tình tiết là một khách thể độc lập, chưa có quy định về tình tiết định khung khi người phạm tội xâm phạm đến nhiều khách thể cùng một lúc dẫn đến lúng túng trong áp dụng hoặc áp dụng thiếu công bằng, ví dụ: A vi phạm quy định về tốc độ khi lái xe làm chết 01 người, đồng thời gây thương tích đối với 01 người khác gây thương tích với tỉ lệ là 30% và cũng gây ra thiệt hại về tài sản của người khác với số tiền là 50 triệu đồng thì trong trường hợp này việc định khung hình phạt được xác định như thế nào? Nếu áp dụng theo đúng quy định của Điều này thì A này chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 260 với tình tiết làm chết người, trong khi đó, với hành vi tương tự, nhưng B gây thương tích cho 02 người với tổng tỉ lệ	Bổ sung các quy định về tình tiết định khung, trong đó có các tình tiết tổng hợp nhiều loại thiệt hại khác nhau. Ví dụ, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 260 BLHS năm 2015: “Làm chết 01 người và gây thêm một trong các hậu quả quy định tại điểm b, c và d khoản 1 Điều này”. Theo đó, trong trường hợp này, cần xác định nạn nhân bị chết được tính mức độ thương tổn là 100% để cộng dồn với tỉ lệ tổn thương của các nạn nhân khác; đối với hành vi vi phạm mà có nhiều hậu quả để định tội, định khung hình phạt thì cộng dồn các hậu quả để đưa vào khung hình phạt để phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi vi phạm gây ra.

	tổn thương cơ thể là 125% thì phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2, như vậy là thiếu công bằng. Việc thiếu quy định như trên sẽ dẫn đến không đánh giá được toàn diện, đầy đủ tính chất, mức độ hậu quả mà người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội gây ra.	
Mục 2. Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông		
Điều 285. Tội sản xuất, mua bán, trao đổi hoặc tặng cho công cụ, thiết bị, phần mềm để sử dụng vào mục đích trái pháp luật	Khoản 1 Điều 285 quy định: “Người nào sản xuất, mua bán, trao đổi, tặng, cho công cụ, thiết bị, phần mềm <i>có tính năng tấn công</i> mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để sử dụng vào mục đích trái pháp luật...”. Quy định về “có tính năng tấn công” là chưa đầy đủ, chưa bao quát hết các tính năng gây hại khác. Vì có nhiều phần mềm, thiết bị không có tính năng tấn công nhưng vẫn gây hại.	Sửa đổi cụm từ “có tính năng tấn công” thành “có tính năng gây hại” để mở rộng tính năng của công cụ, thiết bị phần mềm. Đồng thời cần có văn bản quy định cụ thể về các tính năng gây hại nêu trên.
Điều 288. Tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông và Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng	Điều 288 quy định về hành vi “mua bán, trao đổi... hoặc công khai hóa thông tin riêng hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trên mạng máy tính, mạng viễn thông...”. Mặt khác, khoản 1 Điều 191 quy định về hành vi cấu thành cơ bản của Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, theo Nghị định số 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân thì thông tin về tài khoản ngân hàng của cá nhân là một loại “thông tin riêng hợp pháp của cá nhân”. Như vậy, với cùng một hành vi nhưng có thể bị xử lý bởi hai điều luật khác nhau là không phù hợp về kỹ thuật lập pháp	Nghiên cứu để quy định theo hướng không trùng lặp các quy định trong Bộ luật Hình sự
Điều 290. Tội sử dụng mạng máy tính, mạng viễn	Điều này quy định loại trừ trường hợp quy định tại Điều 173 (Tội trộm cắp tài sản) và Điều 174 (Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản). Tuy nhiên, quy định như trên là chưa phù hợp về mặt kỹ thuật lập pháp, bởi lẽ, hành vi được quy định trong Điều 290 có phạm vi hẹp hơn so với phạm vi của hành vi được	Sửa đổi, bổ sung Điều 290 theo hướng bỏ quy định loại trừ Điều 173 và Điều 174. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung Điều 173 và Điều 174 theo hướng loại trừ Điều 290.

thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản	quy định tại Điều 173 và Điều 174, hay nói cách khác, việc thực hiện lừa đảo, chiếm đoạt qua mạng và trộm cắp qua mạng chỉ là một phần của hành vi trộm cắp và hành vi lừa đảo. Do đó, không thể lấy một tập hợp có phạm vi nhỏ hơn trừ đi tập hợp có phạm vi lớn hơn.	
Điều 291. Tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng	Hiện nay, mức hình phạt quy định tại Điều 291 đối với tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin tài sản ngân hàng là thấp (khung hình phạt cao nhất là 07 năm tù), không phù hợp với tính chất nguy hiểm mà loại tội phạm này gây ra. Thực tiễn điều tra, xử lý tội này nhận thấy, các đối tượng thường hoạt động trên một địa bàn rộng lớn, số tiền thu lợi bất chính, số bị hại rất lớn, đồng thời tội phạm này có mối liên hệ mật thiết với các loại tội phạm nguy hiểm khác như rửa tiền, đánh bạc; lừa đảo, chiếm đoạt tài sản... nên cần phải xử lý nghiêm khắc hơn để đảm bảo tính răn đe.	Sửa đổi, bổ sung Điều 291 theo hướng tăng khung hình phạt đối với tội thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin tài sản ngân hàng để đảm bảo tính răn đe.
Mục 3. Các tội phạm khác xâm phạm an toàn công cộng		
Điều 304. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự và Điều 305. Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vật liệu nổ	- Hiện tại, cấu thành cơ bản của các tội này chưa thực sự phù hợp, thiếu quy định cụ thể về mức định lượng tối thiểu của vật phạm pháp, dẫn đến trường hợp, vật phạm pháp dù có định lượng rất nhỏ nhưng cũng bị xử lý hình sự, như vậy là không hợp lý. Bên cạnh đó, việc không quy định định mức tối thiểu cũng dẫn đến việc không có căn cứ để phân định khi nào thì hành vi bị xử lý hình sự, khi nào thì hành vi bị xử lý vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 144/2021/NĐ-CP. Bên cạnh đó, khoản 1 các điều này thiếu các tình tiết định tội kèm theo như đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.	Sửa đổi khoản 1 các điều này để quy định rõ số lượng tối thiểu vật phạm pháp và bổ sung các tình tiết định tội khác để bảo đảm sự tách biệt giữa hành vi phạm tội và hành vi vi phạm pháp luật khác, tránh bỏ lọt tội phạm...
Điều 306. Tội chế tạo,	- Điều 306 quy định chỉ người nào đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc đã bị kết án, chưa được xóa án tích về các hành vi chế tạo, tàng trữ, vận	- Sửa đổi Điều này theo hướng bổ sung mức định lượng tối thiểu để định tội; đồng thời bổ sung tình

tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ	chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ trước đó mà tiếp tục thực hiện hành vi thì mới bị xử lý hình sự. Quy định như trên chưa đảm bảo tính răn đe, chưa phù hợp với thực tiễn. - Giữa tên điều luật với nội dung tại khoản 1 chưa có sự thống nhất, tên của điều luật là “Tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ”, trong khi nội dung của điều luật không đề cập đến vũ khí thô sơ và công cụ hỗ trợ.	tiết đã bị xử phạt vi phạm hành chính về tội này mà còn vi phạm hoặc đã bị kết án về tội này mà còn vi phạm để bảo đảm tính thống nhất, tính công bằng trong thi hành pháp luật; đồng thời cũng thống nhất giữa pháp luật hình sự với pháp luật hành chính trong xử lý hành vi vi phạm. - Sửa đổi nội dung khoản 1 cho thống nhất như sau: “Người nào chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ”, vũ khí khác có tính năng, tác dụng tương tự như súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ...”,
Điều 317. Tội vi phạm quy định về an toàn thực phẩm	- Việc chỉ quy định tỉ lệ thương tật để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội này trong nhiều trường hợp là chưa toàn diện, bởi lẽ, thực tế các trường hợp hậu quả của việc sử dụng thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh thường không xảy ra ngay tức khắc (trừ trường hợp cấp tính) mà thường tích lũy theo thời gian và mức độ sử dụng, cơ địa của từng người; các biểu hiện ban đầu triệu chứng của ngộ độc thực phẩm có thể chưa xác định được ngay nguyên nhân do sử dụng thực phẩm không đảm bảo an toàn hay do các tác nhân khác và việc đánh giá mức độ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe người sử dụng. Do đó, không có căn cứ giám định để xác định khung hình phạt. Trong khi đó, tình tiết định lượng số bị hại để xác định khung hình phạt lại gắn với yếu tố gây ngộ độc ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cũng không toàn diện, nhiều hành vi vi phạm quy định về an toàn thực phẩm không gây ngộ độc ngay lập tức như đã phân tích ở trên nhưng lại dẫn đến các hệ quả lâu dài đối với sức khỏe con người và các hệ lụy về mặt xã hội như: tỉ lệ mắc bệnh ung thư ngày càng tăng, tỉ lệ vô sinh, hiếm muộn ở các cặp vợ chồng ở con số đáng báo động... Như vậy, chỉ dựa vào các biểu hiện bên ngoài như ngộ độc, tỉ lệ thương tật... để xác định trách nhiệm hình sự đối với những người vi phạm quy định về an toàn thực phẩm là không đầy đủ, không bao quát hết tính nguy hiểm của hành vi này, không góp phần bảo vệ an ninh con người trong giai đoạn hiện nay.	- Bổ sung quy định về số lượng bị hại cụ thể đã sử dụng các sản phẩm mà người vi phạm phân phối làm căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. - Nâng khung hình phạt cao nhất lên đến chung thân với tội này, nâng mức hình phạt tù thấp nhất tại khoản 1 lên 03 năm, đồng thời nâng mức phạt tiền tối thiểu lên 200.000.000 đồng, mức phạt tiền tối đa lên 500.000.000 đồng để đảm bảo tính

	- Khung hình phạt đối với tội này đang là rất thấp, không đảm bảo tính răn đe, nhất là trước thực trạng thực phẩm bẩn đang là một trong các tác nhân hàng đầu làm suy giảm chất lượng giống nòi của Việt Nam như hiện nay.	ng nghiêm khắc và răn đe.
Mục 4. Các tội phạm khác xâm phạm trật tự công cộng		
Điều 318. Tội gây rối trật tự công cộng	Hiện nay, các hành vi gây rối ở nơi công cộng trên thực tế rất dễ cấu thành tội phạm, vì chỉ cần thỏa mãn 02 dấu hiệu: gây rối và gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự. Về bản chất, bất cứ một hành vi gây rối nào, dù là ở bất cứ mức độ nào cũng sẽ gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, do đó, chỉ cần la mắng, cãi cọ, thậm chí xô xát nhẹ ở nơi công cộng là đã đủ cấu thành tội này, trong khi mức phạt tù ở khoản 1 là 02 năm, nếu chỉ cần thỏa mãn thêm nhiều người cùng xô xát, cãi vã, va chạm nhau (chưa gây hậu quả thiệt hại quá lớn về sức khỏe, tài sản) thì sẽ bị xử theo khoản 2 với tình tiết “có tổ chức” với khung hình phạt lên đến 07 năm tù. Đây là một trong những tội danh được áp dụng nhiều nhất trong thời gian qua, đồng thời, cũng là tội danh dễ dẫn đến các tiêu cực trong áp dụng pháp luật, vì việc có khởi tố hay không khởi tố hoàn toàn phụ thuộc vào yếu tố chủ quan của cá nhân có thẩm quyền.	Cần quy định cụ thể cấu thành của hành vi này để, xác định mức độ gây rối, xác định mức độ ảnh hưởng về an ninh, trật tự làm căn cứ định tội, tránh xử lý tràn lan, không phù hợp giữa hình phạt và bản chất hành vi, tránh việc hình sự hóa các hành vi không thực sự nguy hiểm cho xã hội, bảo đảm nguyên tắc pháp luật hình sự không can thiệp vào những vấn đề nhỏ nhặt.
Điều 320. Tội hành nghề mê tín, dị đoan	Hiện nay, mê tín dị đoan được coi là một “tệ nạn: của xã hội, gây nhiều bức xúc bởi bản chất “đổi trả”, lợi dụng lòng tin của người khác để trục lợi. Tuy nhiên, Điều 320 chỉ quy định người nào đã bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị kết án về tội này chưa được xóa án tích mà còn vi phạm thì mới bị xử lý hình sự, đặt ra trường hợp nếu một người hành nghề mê tín dị đoan rất lâu nhưng chưa bị xử lý, sau đó bị phát hiện trục lợi một số tiền đặc biệt lớn hoặc gây ra hậu quả đặc biệt nghiêm trọng (dẫn đến chết người...) thì vẫn không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Quy định bổ sung các mức định lượng thu lợi bất chính hoặc các thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng để định tội đối với tội này. Nếu chưa bảo đảm các mức này thì mới xét đến các tình tiết đã bị xử phạt vi phạm hành chính và đã bị kết án.
Điều 321. Tội đánh bạc	- Mức định lượng tối thiểu làm căn cứ định tội đối với tội này là 5 triệu đồng, đây là mức định lượng thấp, dễ hình sự hóa các hành vi có mức độ nguy hiểm cho xã hội thấp, chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội. - Điều 321 của BLHS quy định “được thua bằng tiền hoặc hiện vật”. Tuy nhiên, thực tiễn nhiều trường hợp người phạm tội không dùng tiền hoặc hiện vật để đánh bạc mà dùng các tài sản khác như tài sản hình thành trong tương lai, các loại giấy tờ có giá, quyền tài sản, các loại tài sản số... để đánh bạc.	Nghiên cứu để tăng mức định lượng tối thiểu tại khung cơ bản lên gấp 2 lần để phù hợp với thực tiễn, tránh hình sự hóa các hành vi không quá nguy hiểm, góp phần giảm tải áp lực cho các cơ quan tố tụng. - Sửa đổi quy định về tài sản dùng để đánh bạc bảo đảm phù hợp với thực tiễn tình hình tội phạm đánh bạc, phù hợp với sự mở rộng về nội hàm của “tài sản” trong thời đại mới.

Điều 322. Tội tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc	- Hiện nay, tội này đang được áp dụng để xử lý đối với các “con bạc” rủ nhau cùng đánh bạc, trong đó phân công người trái chiếu, người đi mua bài, người pha nước, người canh gác... ở một địa điểm là nhà của một người nào đó, chủ nhà là người đã rủ các đối tượng khác đến nhà mình để chơi, không thu “tiền xâu”, “tiền hồ”. Việc xử lý như trên là rất bất hợp lý, bởi lẽ: thứ nhất, các hành vi chuẩn bị, phân công cùng chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đánh bạc là đương nhiên và tất yếu; thứ hai, tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc phải được hiểu là nhằm mục đích thu tiền hồ, tiền xâu của các đối tượng đánh bạc; thứ ba, hành vi trên chỉ đơn thuần là hành vi đánh bạc và đã được điều chỉnh ở Điều 321 (có hình phạt ít nghiêm khắc hơn). - Điều 321 và Điều 322 có khung hình phạt quá dài, thực tế hiện nay có những vụ đánh bạc với số tiền rất lớn, đặc biệt lớn nhưng chỉ có 2 khung hình phạt là không phù hợp.	- Sửa tên tội này là “Tội gá bạc”, làm rõ hành vi gá bạc là tổ chức việc đánh bạc để thu lợi bất chính; xác định các mức định lượng là số tiền thu lợi bất chính, số người tham gia đánh bạc... làm tình tiết định tội. - Tách Điều 321, 322 thành nhiều khung hình phạt để xử lý tội phạm tương xứng với mức độ, hành vi tội phạm gây ra.
Chương XXII. Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính		
Điều 337. Tội cố ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; Điều 338. Tội vô ý làm lộ bí mật nhà nước; tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước	Tội danh quy định tại các điều luật này là tội ghép của bốn hành vi phạm tội khác nhau bao gồm hành vi cố ý làm lộ bí mật nhà nước; hành vi chiếm đoạt vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; hành vi mua bán vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; hành vi tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước. Khi so sánh các hành vi này thấy rằng hành vi mua bán vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước nguy hiểm hơn hành vi chiếm đoạt hoặc tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; tuy nhiên, chế tài xử lý đối với các hành vi này tương tự nhau là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, các hành vi nêu trên là hoàn toàn độc lập với nhau, khi người phạm tội thực hiện mỗi hành vi nêu trên thì đều đã đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự về một tội danh độc lập, ví dụ: nếu người phạm tội vừa làm lộ bí mật nhà nước, vừa làm mất tài liệu bí mật nhà nước thì họ phạm hai tội nên việc tách các hành vi này thành các tội danh độc lập là cần thiết.	Nghiên cứu sửa đổi quy định của Điều 337 BLHS theo hướng tách ra thành 04 điều độc lập tương ứng với tội danh gắn với 04 hành vi (hành vi cố ý làm lộ bí mật nhà nước; hành vi chiếm đoạt vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; hành vi mua bán vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước; hành vi tiêu hủy vật hoặc tài liệu bí mật nhà nước) để phân hóa trách nhiệm hình sự.
Nhiều điều luật	Hiện nay, các Điều 348 (tội tổ chức, môi giới cho người khác nhập cảnh, xuất cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép); 349 (tội tổ chức, môi giới cho người khác trốn đi nước ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép); Điều 350 (tội cưỡng ép người khác trốn đi nước	Sửa đổi, bổ sung các điều này theo hướng: nâng mức định lượng bị hại ở khoản 2 lên từ 10 đến 20 người; nâng mức định lượng số bị hại ở khoản 3 lên từ 21 người trở lên.

	ngoài hoặc ở lại nước ngoài trái phép) quy định về định lượng số bị hại để định khung hình phạt tại khoản 2 và khoản 3 các điều này là thấp, trong khi đó, các khoản này đều áp dụng đối với tội nghiêm trọng, rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Do vậy, quy định trên là bất lợi đối với người vi phạm, không đảm bảo thực hiện chính sách nhân đạo của Nhà nước. Bên cạnh đó, quy định như trên cũng không phù hợp với tình hình thực tế, vì hiện nay, nhiều trường hợp môi giới cho người khác đi nước ngoài lao động với số người lên đến hàng trăm người và bị xử lý rất nặng.	
Chương XXIII. Các tội phạm về chức vụ		
Nhiều điều luật	- Tên các điều luật: Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ là chưa phù hợp, chưa bao quát hết các trường hợp phạm tội, cụ thể là: Thời gian qua, hành vi giao đất, cho thuê đất, bán đất sai thẩm quyền của Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn diễn ra tại một số địa phương, thực tế áp dụng pháp luật cho thấy, những người này bị xử lý chủ yếu về 02 tội: Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356) và Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357). Tuy nhiên, theo quy định của Luật Cán bộ, công chức năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước thì Trưởng thôn, Phó Trưởng thôn không phải là người thi hành công vụ, do vậy, việc áp dụng hai điều luật nên trên để xử lý hình sự đối với họ là chưa phù hợp. - Bên cạnh đó, các điều luật ở Chương này thiếu quy định hậu quả là các thiệt hại phi vật chất mà hành vi phạm tội có thể gây ra trên thực tế như: làm giảm uy tín của cơ quan, chính quyền, Nhà nước; gây cản trở phát triển kinh tế, xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự... dẫn đến trong nhiều vụ án, việc xác định thiệt hại vật chất gặp khó khăn, trong khi đó, các thiệt hại về mặt phi vật chất là rất nghiêm trọng nhưng không có cơ chế hình sự để xử lý. Với các tội phạm thuộc Chương XXIII - Các tội phạm về chức vụ, một số tội như Tội tham ô tài sản (Điều 353), Tội nhận hối lộ (Điều 354), Tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 355), Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng đối với người khác để trục lợi (Điều 358),	- Sửa đổi, bổ sung tên các Điều 356 và Điều 357 như sau: Điều 356. Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ’; Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ. - Bổ sung các quy định về hậu quả gây ra là các thiệt hại phi vật chất đối với các tội trong Chương này.

	Tội đưa hối lộ (Điều 364) hay Tội môi giới hối lộ (Điều 365)... đều quy định mức định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt hoặc giá trị tài sản dùng để phạm tội làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự là từ 02 triệu đồng; đối với Tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ (Điều 356), Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ (Điều 357)... quy định mức định lượng là thiệt hại về tài sản từ 10 triệu đồng. Có thể thấy, mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự tại các tội danh này của BLHS năm 2015 được kế thừa nguyên vẹn quy định về mức định lượng làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự của BLHS năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009), chưa phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội.	
Điều 357. Tội lạm quyền trong khi thi hành công vụ	Khoản 1 Điều 357 quy định hậu quả thiệt hại từ 10.000.000 đồng, khoản 2 Điều 357 quy định hậu quả từ 100.000.000 đồng là quá thấp, không phù hợp, với mức thiệt hại như vậy mà quy định hình phạt từ khoản 1 từ 01-07 năm, khoản 2 từ 05-10 năm là quá nặng, không tương xứng giữa hậu quả của tội phạm và mức hình phạt bị áp dụng.	Đề nghị điều chỉnh tăng giá trị thiệt hại cho tương xứng với hình phạt
Điều 360. Tội thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng	Điều 360 chỉ đang bao hàm hậu quả gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản mà bỏ ngỏ các thiệt hại phi vật chất khác như thiệt hại về danh dự, nhân phẩm gây ảnh hưởng, khó khăn trong công tác điều tra, truy tố, xét xử hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách của Đảng, Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp khác của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, hiện nay có trường hợp cán bộ, công chức do lo sợ trách nhiệm mà có sự bỏ mặc không thi hành, trì trệ công tác gây thiệt hại nghiêm trọng đến chính sách của Đảng, Nhà nước. Do vậy, việc quy định chế tài đối với các hậu quả trên là cần thiết để đảm bảo công tác công vụ được thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của người có quyền hạn, nhiệm vụ.	Cần quy định các thiệt hại phi vật chất khác như danh dự, nhân phẩm để bảo đảm công tác công vụ được thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm của người có nhiệm vụ, quyền hạn; Gây cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; gây ảnh hưởng đến phán quyết vụ án sau này; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động của cơ quan, tổ chức; để người khác lợi dụng thực hiện tội phạm; ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước...
Chương XXIV. Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp		
Nhiều điều luật	Các điều: Điều 368 (Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội); Điều 369 (Tội không truy cứu trách nhiệm hình sự người có tội); Điều 370 (Tội ra bản án trái pháp luật); Điều 371 (Tội ra quyết định trái pháp luật) đều có tình tiết “biết rõ là trái pháp luật”, tuy nhiên, quy định như trên là chưa phù hợp, vì: Thứ nhất, khi một người đã có thẩm quyền được ra một quyết định trong hoạt động	Nghiên cứu, sửa đổi các điều luật này theo hướng bỏ tình tiết “biết rõ là trái pháp luật”. Chỉ cần người có thẩm quyền ra các quyết định trái pháp luật và khi đối chiếu với các quy định của pháp luật khác gây ra hậu quả.

	tổ tụng, người đó phải có vị trí, chức vụ và chức trách nhất định trong cơ quan tố tụng, biết rõ chính xác mình được phép làm gì và không được phép làm gì; Thứ hai, lỗi của tội này là lỗi cố ý trực tiếp, người thực hiện hành vi đương nhiên phải biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, do đó, quy định “biết rõ là trái pháp luật” là không cần thiết; Thứ ba, quy định như trên dẫn đến tình huống, khi bị phát hiện, điều tra, các đối tượng đều nói là mình không biết, và cũng không có căn cứ để chứng minh người đó biết, dẫn đến không thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với họ. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc các tội này bị xử lý hình sự rất ít trong thời gian qua, mặc dù thực tiễn không phải là không có.	
Chương XXV. Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân và trách nhiệm của người phối thuộc với quân đội trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu		
Vấn đề về khung hình phạt	- Khung hình phạt ở một số điều luật còn quá rộng, tạo khoảng cách lớn giữa mức thấp nhất và cao nhất như: khoản 1 Điều 109 (Tội phản bội tổ quốc), khoản 1 Điều 110 (Tội gián điệp), khoản 1 Điều 111 (Tội xâm phạm an ninh, lãnh thổ), khoản 1 Điều 114 (Tội phá hoại cơ sở vật chất - kỹ thuật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), khoản 2 Điều 120 (Tội tổ chức, cưỡng ép, xúi giục người khác trốn đi nước ngoài hoặc trốn ở lại nước ngoài nhằm chống chính quyền nhân dân), khoản 5 Điều 134 (Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác),... có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Việc quy định khung hình phạt rộng cho phép Tòa án có sự linh hoạt trong việc quyết định mức phạt cụ thể, tuy nhiên có thể sẽ dẫn đến sự không thống nhất trong việc tuyên hình phạt. Thực tiễn xét xử cho thấy, cùng một tội danh, cùng tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân giống nhau, nhưng lại có mức phạt tù khác nhau. - Bên cạnh đó, hiện nay, nhiều điều luật tại Phần các tội phạm đều “gối khung” ví dụ, khoản 1 Điều 134 có mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm, tuy nhiên, khoản 2 lại có mức hình phạt từ 02 năm đến 06 năm, việc quy định như trên là chưa thực sự khoa học, chưa phân hóa được tội phạm và gây khó khăn trong việc quyết định và lựa chọn hình phạt. Bên cạnh đó, quy định như trên cũng gây khó khăn cho việc áp dụng Điều 54 về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, vì nhiều điều luật mức thấp nhất của khung hình phạt lại thấp hơn mức cao nhất của	Sửa đổi, bổ sung các quy định của Bộ luật Hình sự theo hướng: - Bảo đảm khoảng cách giữa đầu khung và cuối khung hình phạt hợp lý, không quá xa, không quá gần, có mức tương quan nhất định giữa biên độ mức hình phạt giữa các khoản trong cùng một điều và giữa các điều luật có cùng tính chất, mức độ với nhau, tránh tùy nghi trong áp dụng hình phạt, giảm thiểu tiêu cực trong hoạt động tố tụng hình sự. - Các khung hình phạt phải bảo đảm tính tiếp nối về mức hình phạt, tránh “gối khung” để phân hóa tội phạm tốt hơn và tạo thuận lợi trong áp dụng hình phạt.

	khung hình phạt liên kế	
--	-------------------------	--